

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/LĐ-ST
Ngày: 17-7-2025
V/v tranh chấp về hợp đồng lao động

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm - Nguyên Chủ tịch Công đoàn cơ sở Bệnh viện Đa khoa thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương (nay là Trung tâm Y tế thành phố Bến Cát, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Bà Nguyễn Kim Lý - Nguyên Chủ tịch Công đoàn cơ sở phường Mỹ Phước, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương (nay là phường Bến Cát, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2025/TLST-LĐ ngày 22 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp về hợp đồng lao động theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2025/QĐXXST-LĐ ngày 30/6/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1986; đăng ký thường trú: Ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã L, tỉnh Đồng Tháp) – vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn D1; địa chỉ trụ sở: Lô J, khu công nghiệp M, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Yu Chung H, số hộ chiếu: 31223854; địa chỉ liên hệ: Lô J, khu công nghiệp M, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh), là người đại diện

theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 01/01/2025) – vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Người phiên dịch: Ông Vòng A D, địa chỉ liên hệ: Lô J, khu công nghiệp M, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) – vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Cao Bích N1, sinh năm: 1987; đăng ký thường trú: Ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau (nay là xã C, tỉnh Cà Mau) – vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤÁN:

1. Trong Đơn khởi kiện đề ngày 14/4/2025 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Tháng 9/2012, bà Nguyễn Thị N có cho bà Cao Bích N1 mượn giấy tờ tùy thân (giấy chứng minh nhân dân) để xin vào làm việc tại Công ty TNHH D1. Bà N1 được Công ty D1 ký kết hợp đồng lao động và đóng bảo hiểm xã hội cho bà N1 với tên Nguyễn Thị N tại Bảo hiểm xã hội huyện (nay là thành phố) B. Đến tháng 02/2015, bà N1 nghỉ việc.

Bản thân bà Nguyễn Thị N làm việc tại Doanh nghiệp tư nhân B và tham gia bảo hiểm xã hội với mã số 7911241224 từ tháng 7/2011 cho đến tháng 3/2014.

Khi bà N làm hồ sơ để hưởng bảo hiểm xã hội 01 lần thì được bảo hiểm xã hội thành phố B thông báo bà N bị trùng bảo hiểm xã hội từ tháng 10/2012 đến tháng 02/2014.

Nay, bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên huỷ hợp đồng lao động được ký kết giữa Nguyễn Thị N và Công ty D1 vì người lao động thực tế tại Công ty D1 là Cao Bích N1. Bà N không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu.

2. Bị đơn: Người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH D1 là ông Yu Chung H trình bày tại bản tự khai như sau:

Công ty TNHH D1 có ký kết hợp đồng lao động với bà Cao Bích N1. Do thời gian đã lâu nên hồ sơ đã thất lạc. Thời điểm ký kết và thực hiện hợp đồng, Công ty D1 không biết người lao động sử dụng giấy tờ tùy thân giả.

Đối với yêu cầu huỷ hợp đồng lao động vì lý do trùng sổ bảo hiểm xã hội, Công ty D1 đồng ý. Công ty không đề nghị giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Cao Bích N1 trình bày tại bản tự khai như sau:

Tháng 9/2012, bà N1 có mượn giấy chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị N để xin việc làm tại Công ty D1. Bà N1 được nhận vào làm việc tại Công ty D1 từ tháng 10/2012 cho đến tháng 02/2015 với tên Nguyễn Thị N. Bà N1 ký

hợp đồng lao động với Công ty D1 và đóng bảo hiểm xã hội với tên Nguyễn Thị N.

Nay bà Nguyễn Thị N có nhu cầu hưởng bảo hiểm xã hội thì không thực hiện được do trùng bảo hiểm xã hội trong thời gian từ tháng 10/2012 đến tháng 02/2014. Do đó, bà N1 đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà N và không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

4. *Tại phiên tòa:* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ là đúng theo quy định, nguyên đơn và những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Qua xem xét các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn Nguyễn Thị N yêu cầu hủy hợp đồng lao động giữa người lao động Nguyễn Thị N (tên thật Cao Bích N1) với Công ty Trách nhiệm hữu hạn D1 để điều chỉnh thông tin đóng bảo hiểm xã hội.

Bị đơn thừa nhận có ký kết hợp đồng lao động với người lao động tên Nguyễn Thị N và không biết người lao động sử dụng giấy tờ tùy thân của người khác để ký hợp đồng. Bị đơn đồng ý hủy hợp đồng lao động, không đề nghị giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Xét tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp thì thấy:

Nguyên đơn, bị đơn không còn lưu giữ các hợp đồng lao động để cung cấp cho Tòa án.

Bảo hiểm xã hội Khu vực XXVII cung cấp: Bà Nguyễn Thị N có tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn – bệnh nghề nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội: 7911241224 do Doanh nghiệp tư nhân B đóng từ tháng 7/2011 đến tháng 02/2014.

Bảo hiểm xã hội thành phố B cung cấp: Bà Nguyễn Thị N có tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn – bệnh nghề nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội: 7412277576 do Công ty TNHH D1 đóng từ tháng 10/2012 đến tháng 02/2015.

Như vậy, có cơ sở xác định từ tháng 10/2012 đến tháng 02/2015 người lao động có tên Nguyễn Thị N có làm việc tại Công ty TNHH D1.

Các đương sự Nguyễn Thị N, Cao Bích N1 thống nhất trình bày: Người làm việc tại Công ty TNHH D1 có tên thật là Cao Bích N1, bà N1 đã sử dụng giấy tờ tùy thân của bà N để xin việc làm tại Công ty TNHH D1.

Xét, việc bà Cao Bích N1 sử dụng chứng minh nhân dân, thông tin của bà Nguyễn Thị N để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH D1 là hành vi lừa dối về mặt chủ thể, vi phạm nguyên tắc trung thực khi xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình trong quan hệ lao động. Do đó, việc bà Nguyễn Thị N yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị N (tên do bà Cao Bích N1 mượn khi ký kết hợp đồng) với Công ty TNHH D1 là có căn cứ theo quy định tại Điều 4, Điều 127, Điều 132 Bộ luật dân sự năm 2005.

Nguyên đơn chỉ yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, ngoài ra không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì trong vụ án. Đây là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án không xem xét giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để điều chỉnh, cập nhật thông tin và giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa là phù hợp.

[5] Án phí lao động sơ thẩm: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 50, Điều 51 Bộ luật lao động năm 2019;

Căn cứ Điều 4, Điều 127 và Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 32, Điều 92; Điều 147; khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N đối với bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn D1 về việc tranh chấp hợp đồng lao động.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị N và Công ty Trách nhiệm hữu hạn D1 từ tháng 10/2012 đến tháng 02/2015 là vô hiệu.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 18 – Tp. HCM;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 18 – Tp. HCM;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Xuân